**Từ điển thành ngữ/phương ngữ Trung Quốc!**

**G**  
Giáp thương đái bổng/夹枪带棒: Kẹp thương mang gậy (trong lời nói ẩn ý châm chọc, mỉa mai)  
  
Gian bất dung phát (间不容发): khoảng cách quá gần ở giữa không đủ chứa sợi tóc | khoảng cách quá nhỏ | cực kì chính xác; tinh vi | kề cận tai họa; cực kì nguy cấp; suýt xảy ra tại họa  
  
Giải ngữ hoa(解语花): chỉ người con gái mỹ lệ, xinh đẹp  
  
Gia luy thiên kim, tọa bất thùy đường(家累千金, 坐不垂堂): người giàu có, không ngồi bên ngoài | người giàu có, quyền quý không vào nơi nguy hiểm (tự lo lắng cho bản thân mình)  
  
Giá khinh tựu thục(驾轻就熟): xe nhạy nhanh vì quen đường. Chỉ rất quen thuộc, thành thạo với cái gì đó. | quen tay hay làm; quen việc dễ làm; kinh nghiệm đầy mình  
  
Giác nhi(角儿)/Hảo giác nhi(好角儿)/Danh giác nhi(名角儿): diễn viên ưu tú (cách gọi theo thói quen trong giới kinh kịch)  
  
Giáp trứ vĩ ba tố nhân (夹着尾巴做人): sống thu mình lại một chút; kín tiếng hơn một chút; khiêm tốn; không kiêu ngạo, phô trương; có chừng mực; ước thúc chính mình.